

KẾ HOẠCH

**Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng năm 2026**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-BXD ngày 12/01/2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. KẾ HOẠCH KIỂM TRA VĂN BẢN

I. Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao chất lượng xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.
- Bảo đảm tính toàn diện, khách quan, công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kết hợp giữa việc kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền với việc tự kiểm tra của cơ quan, người ban hành văn bản; bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan.
- Kịp thời kiểm tra khi có căn cứ kiểm tra văn bản và kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật.
- Không lợi dụng việc kiểm tra, xử lý văn bản vì mục đích vụ lợi, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và can thiệp vào quá trình xử lý văn bản trái pháp luật.

II. Hình thức và nội dung kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra gồm:

- Tự kiểm tra;
- Kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

- Thẩm quyền ban hành văn bản;
- Nội dung, hình thức của văn bản;
- Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản;
- Căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày;
- Tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước và độ mật

của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

III. Trách nhiệm kiểm tra

1. Tự kiểm tra văn bản

1.1. Các trường hợp tự kiểm tra văn bản

- a) Văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành;
- b) Khi nhận được kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật;
- c) Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền;
- d) Phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

1.2. Đối tượng và thời gian thực hiện tự kiểm tra văn bản

- a) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc liên tịch ban hành.

Thời gian thực hiện:

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục thông thường; 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh hoặc yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu thời hạn khác.

- Trường hợp kiến nghị, phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thì thời hạn tự kiểm tra thực hiện theo thời hạn quy định Điều 11 của Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 48/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sau khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

- b) Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Thời gian thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh hoặc yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu thời hạn khác.

- Trường hợp kiến nghị, phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật thì thời hạn tự kiểm tra thực hiện theo thời hạn quy định Điều 11 của Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 48/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sau khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

c) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành.

Thời gian thực hiện:

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục thông thường; 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt.

- Sau khi nhận được kiến nghị, phản ánh hoặc yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

d) Văn bản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và văn bản của đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Thời gian thực hiện: Sau khi nhận được kiến nghị, phản ánh hoặc yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

1.3. Trách nhiệm thực hiện tự kiểm tra:

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản

Trường hợp cần thiết thì tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản tự kiểm tra.

- Đơn vị đầu mối tổng hợp, theo dõi kết quả tự kiểm tra: Vụ Pháp chế

1.4. Trình tự, thủ tục tự kiểm tra văn bản:

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và Quyết định số 50/2025/QĐ-TTg ngày 25/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Trách nhiệm báo cáo, tổng hợp kết quả tự kiểm tra:

Đơn vị chủ trì thực hiện việc tự kiểm tra văn bản có trách nhiệm gửi kết

quả tự kiểm tra văn bản về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ; chủ trì xây dựng văn bản thông báo về kết quả tự kiểm tra gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị, phản ánh hoặc báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản và cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu, chỉ đạo kiểm tra văn bản.

2. Kiểm tra theo thẩm quyền

2.1. Các trường hợp thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền

- a) Các văn bản nêu tại mục 2.2 được gửi tới Bộ Xây dựng;
- b) Khi nhận được kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về các văn bản nêu tại mục 2.2 có dấu hiệu trái pháp luật;
- c) Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền về việc kiểm tra các văn bản nêu tại mục 2.2;
- d) Khi phát hiện các văn bản nêu tại mục 2.2 có dấu hiệu trái pháp luật.

2.2. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền

- a) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- b) Văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Việc tổ chức kiểm tra các văn bản tại điểm b mục 2.2 được thực hiện trong quá trình triển khai theo Quyết định của Bộ trưởng ban hành Kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng năm 2026.

2.3. Trách nhiệm kiểm tra theo thẩm quyền:

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Vụ Pháp chế

Trường hợp cần thiết thì tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản được kiểm tra.

- Đơn vị phối hợp: Các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng Bộ, Trung tâm công nghệ thông tin và các đơn vị khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026

2.4. Trình tự, thủ tục kiểm tra theo thẩm quyền:

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2.5. Trách nhiệm báo cáo, tổng hợp kết quả kiểm tra theo thẩm quyền:

Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả kiểm tra văn bản theo thẩm quyền và kiến nghị xử lý theo quy định đối với văn bản

trái pháp luật; chủ trì xây dựng thông báo về kết quả kiểm tra gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị, phản ánh hoặc báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản và cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu, chỉ đạo kiểm tra văn bản.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

a) Đối với đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản:

- Thực hiện việc tự kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình theo quy định tại mục 1 Phần III Kế hoạch này; đảm bảo đúng tiến độ, tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Quyết định số 50/2025/QĐ-TTg ngày 25/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện việc tự kiểm tra đối với các văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của đơn vị mình được sửa đổi, bổ sung tại văn bản do đơn vị khác chủ trì soạn thảo.

- Phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện việc kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình quy định tại mục 2 Phần III Kế hoạch này.

- Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản năm 2026 của đơn vị mình và gửi về Vụ Pháp chế trước ngày 12/12/2026.

b) Vụ Pháp chế:

- Chủ trì, phối hợp với các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị khác có liên quan thực hiện việc kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng quy định tại mục 2 Phần III Kế hoạch này; đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

- Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ tổng hợp kết quả tự kiểm tra văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng quy định tại mục 1 Phần III Kế hoạch này.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra văn bản (bao gồm tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền) báo cáo Bộ trưởng và Bộ Tư pháp theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ:

Tổng hợp dự toán ngân sách chi cho hoạt động kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và bảo đảm bố trí kinh phí hoạt động cho công tác này.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước cấp hàng năm và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

B. KẾ HOẠCH RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

I. Mục đích, yêu cầu

1. Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát hiện quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ngưng hiệu lực hoặc ban hành văn bản mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Kết quả rà soát văn bản được sử dụng trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản; kết quả rà soát văn bản phải được kịp thời nghiên cứu, xử lý.

4. Việc rà soát văn bản phải tuân thủ theo nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 64 Luật Ban hành quy phạm pháp luật 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

II. Nhiệm vụ rà soát

1. Văn bản thuộc đối tượng rà soát

a) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành;

b) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng chủ trì soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Các trường hợp thực hiện rà soát:

a) Rà soát ngay khi có căn cứ rà soát văn bản theo quy định tại Điều 37, Điều 39, Điều 40 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

b) Rà soát khi nhận được kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

c) Rà soát theo Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật.

d) Rà soát theo Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật.

đ) Rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực khi nhận được yêu cầu, đề nghị của cấp có thẩm quyền, Bộ, ngành có liên quan.

3. Trách nhiệm thực hiện rà soát:

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Các đơn vị thuộc Bộ
- Đơn vị đầu mối, phối hợp: Vụ Pháp chế
- Thời gian thực hiện: Năm 2026

4. Trách nhiệm báo cáo, tổng hợp kết quả rà soát:

Đơn vị chủ trì thực hiện rà soát, lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình có thời điểm hết hiệu lực, thời điểm bắt đầu ngưng hiệu lực trong 01 năm tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12; bao gồm cả các văn bản hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025; gửi kết quả rà soát về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

a) Đối với các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Trung tâm Công nghệ thông tin:

- Thực hiện việc rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị mình theo quy định tại mục 1 Phần II Kế hoạch này; đảm bảo đúng tiến độ, tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) về công tác rà soát văn bản.

- Đối với trường hợp rà soát theo nội dung nêu tại điểm b mục 2 Phần II Kế hoạch này, các đơn vị nhận được kiến nghị có trách nhiệm xem xét để thực hiện rà soát văn bản hoặc chuyển kiến nghị đến cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị rà soát

văn bản về việc đã tiếp nhận kiến nghị hoặc đã chuyển kiến nghị theo quy định của pháp luật.

- Lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng và báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 của đơn vị mình, gửi về Vụ Pháp chế trước ngày 12/12/2026.

b) Vụ Pháp chế:

- Đầu mối, phối hợp công tác rà soát, có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện rà soát văn bản.

- Tổng hợp danh mục văn bản của các đơn vị chủ trì thực hiện việc rà soát văn bản gửi; trình Bộ trưởng ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng trước ngày 31/01/2027; đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.

- Tổng hợp kết quả thực hiện công tác rà soát văn bản báo cáo Bộ trưởng và Bộ Tư pháp theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ:

Tổng hợp dự toán ngân sách chi cho hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và bảo đảm bố trí kinh phí hoạt động cho công tác này.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước cấp hàng năm và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.